

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- a) Dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung của xã Chiên Đàn;
- b) Gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung của xã Chiên Đàn;
- c) Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Chiên Đàn;
- d) Nguồn vốn: Ngân sách thành phố bổ sung theo Quyết định 3011/QĐ-UBND ngày 16/12/2025;
- e) Hình thức/ phương thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh qua mạng 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- f) Giá gói thầu: 896.000.000 VND ((Là giá đã bao gồm các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật. Chưa bao gồm các chi phí: lệ phí trước bạ, lệ phí

đăng ký, cấp biển số, bảo hiểm, lệ phí cấp chứng nhận đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các chi phí khác);

g) Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

h) Địa điểm giao hàng: Văn phòng HĐND và UBND xã Chiên Đàn, xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng.

i) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

k) Giới thiệu quy mô gói thầu, chủng loại hàng hóa được duyệt:

| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|---|-------------|------------|------------------------------|
| 1 | Xe ô tô phục vụ công tác chung của xã Chiên Đàn | Chiếc | 1 | Xe Máy xăng, 1 cầu, Màu đen. |

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

a1) Kê khai thông tin hàng hóa trên webform (chi tiết theo yêu cầu tại Mẫu số 10B trên webform và được trích xuất sang mẫu số 12.1A, E-HSMT).

- Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: Hàng hóa dự thầu phải được kê khai đầy đủ thông tin theo biểu dự thầu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, không nhầm lẫn hàng hóa khác.

- Thông số kỹ thuật cơ bản/thông số chính của hàng hóa: Nhà thầu có trách nhiệm kê khai Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa đúng với Thông số kỹ thuật, của nhà sản xuất công bố (không copy Thông số kỹ thuật từ E-HSMT).

a2) Tài liệu chứng minh chất lượng của hàng hoá: Nhà thầu chứng minh bằng 1 trong 2 cách sau:

- **Cách 1:** Cung cấp đầy đủ các tài liệu sau và có bản dịch tiếng Việt đơn vị hợp pháp đính kèm:

+ Giấy chứng nhận còn hiệu lực của nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001-2015 hoặc đạt các tiêu chuẩn tương đương.

+ Bản sao giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (áp dụng đối với nhà thầu không phải là đơn vị trực tiếp sản xuất/lắp ráp);

+ Cam kết cung cấp bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) của hàng hóa nếu là hàng hóa nhập khẩu hoặc Bản sao giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành nếu là hàng hóa sản xuất trong nước.

- **Cách 2:** Cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu như Cách 1 trước khi tiến hành giao hàng.

(Trường hợp nhà thầu Cam kết theo cách 2 nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng minh chất lượng theo yêu cầu tại Cách 1, nhà thầu sẽ bị đánh giá cam kết không trung thực và xử lý theo quy định hiện hành).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: (như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành..., được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét);

- Nhà thầu đính kèm E-HSDT bảng đề xuất Thông số kỹ thuật chi tiết đáp ứng thông số kỹ thuật được nêu dưới đây:

b1. Yêu cầu Thông số kỹ thuật cụ thể hàng hóa dự thầu:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

| Hạng mục số | Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|-------------|--------------------------------------|---|
| I | Động cơ và tính năng vận hành | |
| | Động cơ | Xăng, 1.5L, Phun xăng trực tiếp (Loại động cơ EcoBoost tăng áp, I4/1.5L GTDi, I4 hoặc loại tương đương công nghệ, công suất,..) |
| | Dung tích xi lanh (cc) | 1490 |
| | Công suất cực đại (PS/vòng/phút) | 160PS (118 KW) / 5400-5700 rpm |
| | Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) | 248Nm/ 1500 – 3500 rpm |
| | Hệ thống chế độ lái | Có |
| | Hộp số | Số tự động 7 cấp |
| | Trợ lực lái | Trợ lực lái điện |
| II | Kích thước & Trọng lượng | |
| | Dài x Rộng x Cao (mm) | 4685 x 1935 x 1706 |

| | | |
|------------|---|--|
| | Khoảng sáng gầm xe (mm) | 190 |
| | Chiều dài cơ sở (mm) | 2726 |
| | Dung tích thùng nhiên liệu (Lít) | 60 Lít |
| | Mức tiêu hao nhiên liệu (tối đa) | |
| | Chu trình tổ hợp (Lít) | 7.4 |
| | Chu trình đô thị cơ bản (Lít) | 9.62 |
| | Chu trình đô thị phụ (Lít) | 6.13 |
| III | Hệ thống Treo | |
| | Hệ thống treo trước | Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực |
| | Hệ thống treo sau | Hệ thống treo độc lập đa liên kết; lò xo trụ, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực |
| IV | Hệ thống Phanh | |
| | Phanh trước & Sau | Phanh Đĩa |
| | Phanh tay điện tử | Có |
| | Cỡ lốp | 235/50R19 |
| | Vành xe | Vành hợp kim nhôm đúc 19" |
| V | Trang thiết bị an toàn | |
| | Túi khí phía trước | 2 Túi khí phía trước |
| | Túi khí bên | Có |
| | Túi khí dọc rèm hai bên trần xe | Có |
| | Camera | Camera toàn cảnh 360 |
| | Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Cảm biến trước & sau |
| | Hệ thống Chống bó cứng phanh (ABS) | Có |
| | Phân phối lực phanh điện tử (EBD) | Có |
| | Hệ thống cân bằng điện tử (ESP) | Có |
| | Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc | Có |
| | Hệ thống kiểm soát độ dẻo | Có |
| | Hệ thống kiểm soát hành trình | Kiểm soát hành trình thích ứng (Stop and Go) |
| | Hệ thống cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước | Có |

| | | |
|------------|---|---------------------------------------|
| | Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp Cảnh báo xe cắt ngang | Có |
| | Hệ thống cảnh báo lệch làn và duy trì làn đường | Có |
| | Hệ thống hỗ trợ căn giữa làn đường (LCC) | Có |
| | Hệ thống kiểm soát áp suất lốp | Có |
| | Hệ thống chống trộm | Có |
| VI | Trang thiết bị ngoại thất | |
| | Đèn phía trước | LED, tự động bật đèn |
| | Đèn pha chống chói tự động | Có |
| | Gạt mưa tự động | Có |
| | Gương chiếu hậu điều chỉnh điện | Gập điện, sấy |
| | Tay mở cửa | Mạ crôm |
| | Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama | Có |
| | Cửa hậu đóng/mở rảnh tay thông minh | Có |
| VII | Trang thiết bị bên trong xe (nội thất) | |
| | Khởi động bằng nút bấm | Có |
| | Chìa khóa thông minh | Có |
| | Đề nổ từ xa bằng Remote | Có |
| | Đèn trang trí nội thất | Đèn viền đa màu |
| | Điều hoà nhiệt độ | Tự động 2 vùng khí hậu |
| | Hệ thống lọc không khí cao cấp | Có |
| | Cửa gió điều hoà sau | Có |
| | Chất liệu ghế | Da cao cấp có làm mát 2 ghế trước |
| | Màu ghế | Đen- Nâu |
| | Chất liệu bọc tay lái | Bọc mềm cao cấp |
| | Điều chỉnh hàng ghế lái | Ghế lái chỉnh điện 10 hướng |
| | Điều chỉnh ghế phụ | Chỉnh điện 4 hướng |
| | Gương chiếu hậu trong | Điện tử với camera tích hợp |
| | Cửa kính điều khiển điện | Có (Tất cả các ghế) |
| | Bảng đồng hồ tốc độ | Màn hình TFT 12.3" (hoặc tương đương) |
| | Hệ thống Âm thanh | 8 loa với hiệu ứng âm thanh vòm |

| | | |
|--|--------------------------------------|---|
| | Màn hình giải trí trung tâm | Màn hình cảm ứng TFT 12.3" (hoặc tương đương) |
| | Kết nối Apple Carplay & Android Auto | Không dây |
| | Sạc không dây | Có |
| | Điều khiển âm thanh trên tay lái | Có |

Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết): Không có.

- Nhà thầu có thể chào hàng hóa theo đúng Thông số kỹ thuật được nêu trên hoặc chào hàng hóa có Thông số kỹ thuật khác (tương đương hoặc tốt hơn). Trường hợp hàng hóa chào thầu có Thông số kỹ thuật (TSKT) khác với TSKT của E-HSMT thì nhà thầu phải có Bảng so sánh thông số kỹ thuật, giải thích và một bảng kê những điểm sai khác, ngoại lệ (nếu có) so với yêu cầu (TSKT) tại Chương V, E-HSMT và đính kèm tài liệu chứng minh Thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu có sai khác là tương đương và đáp ứng yêu cầu về Thông số kỹ thuật của E-HSMT.

- Đối với thông số kỹ thuật khác biệt của một loại hàng hóa nào đó trong yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT mà chỉ có một sản phẩm cụ thể của một hãng sản xuất cụ thể đáp ứng thì nhà thầu chỉ ra và cung cấp tài liệu chứng minh các thông tin nhà thầu cung cấp là có cơ sở để Tổ chuyên gia xem xét có áp dụng hoặc không áp dụng tiêu chí đó khi đánh giá E-HSMT theo quy định của Luật đấu thầu.

** Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tính chính xác thông tin nhà thầu cung cấp. Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh hoặc thông tin nhà thầu cung cấp là không chính xác có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì Tổ chuyên gia xem xét kiến nghị xử lý nhà thầu cung cấp thông tin không trung thực theo quy định.*

b2. Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật:

- Nhà thầu cung cấp Catalog của nhà sản xuất hoặc bảng thông số kỹ thuật có xác nhận của nhà sản xuất (hoặc nhà phân phối chính thức) hoặc thông tin công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin của NSX/NPP (website chính thức, đường link,...) và đính kèm bản dịch tiếng Việt của đơn vị dịch thuật hợp pháp nếu là tiếng nước ngoài.

((Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh (kể cả sau khi làm rõ/đối chiếu) thông tin kê khai là đúng, Tổ chuyên gia, Chủ đầu tư có thể xem xét đánh giá việc kê khai không trung thực của Nhà thầu theo quy định)).

1.3. Yêu cầu về chế độ bảo hành, bảo trì:

- Hàng hóa phải được bảo hành theo đúng quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ thời điểm xe được giao, tối thiểu 3 năm (36 tháng) hoặc tối thiểu 100.000 km (tùy thuộc điều kiện nào đến trước).

- Cơ sở bảo hành phải được uỷ quyền/cấp phép của nhà sản xuất và có Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp còn hiệu lực với đầy đủ chính sách bảo hành quy định bởi Nhà sản xuất.

1.4. Cam kết của nhà thầu để thực hiện gói thầu:

- Cung cấp đầy đủ các giấy tờ hợp lệ kèm theo khi bàn giao xe, đảm bảo đầy đủ các thủ tục để đăng ký, lưu hành theo luật giao thông đường bộ Việt Nam, cụ thể:

+ *Bản gốc hóa đơn thương mại hợp lệ và các hồ sơ giấy tờ dùng đăng ký xe;*

+ *Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) của hàng hóa, Bản kê khai danh mục hàng hóa (Packing list) đối với hàng nhập khẩu. Bản gốc giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành đối với xe sản xuất trong nước.*

+ *Các tài liệu khác liên quan theo quy định hiện hành.*

- Cam kết xe sản xuất từ năm 2025-2026, chất lượng xe mới 100%, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của nước sản xuất và tiêu chuẩn Việt Nam.

- Cam kết cử nhân sự có năng lực, kinh nghiệm phối hợp, hỗ trợ tư vấn cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục đăng ký lẫn bán xe từ khâu chuẩn bị đến khi hoàn thành.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra pháp lý: Tài liệu chứng nhận theo quy định, chứng từ nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu), hoá đơn, vận chuyển,...

- Kiểm tra tổng thể bên ngoài (ngoại thất), bên trong xe (nội thất);

- Kiểm tra kỹ thuật: Các thông số vận hành;

- Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị kiểm tra độc lập để thực hiện kiểm tra trước khi tiếp nhận hàng hóa.

=====